TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v: Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hường
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Huệ
2. Ông Lương Kim Phong

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D. HKTT: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Số 123, hẻm 316, ngõ 2, đường Đại An, phố Đ, thị trấn Đ, huyện C, Đài Loan. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Anh Phạm Tiến H và anh Lâm Huy H1. Cùng địa chỉ: Số 91a, phố N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt

2. Bị đơn*:* Anh Lương Văn D – Sinh năm: 1983. Địa chỉ: N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022và bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Chị D và anh D kết hôn năm 2009. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại xã T1(Nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn số 40/2009 ngày 19/8/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phương pháp nuôi dạy con. Tháng 3/2020, chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên mâu thuẫn hai vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Chị D xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị D đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh D

Về con chung: Quá trình sinh sống với nhau, chị D và anh D có 02 con chung là Lương Ngọc Q – Sinh ngày 26/11/2010 và Lương Mạnh C – Sinh ngày 11/10/2015. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi hai con chung được 18 tuổi. Trường hợp Tòa giải quyết cho anh D được quyền nuôi 02 con chung chị D cũng nhất trí, không có ý kiến gì

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn anh Lương Văn D trình bày:

Anh và chị D kết hôn năm 2009. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh và chị D chung sống tại gia đình bố mẹ chị D ở thôn N, xã T1(Nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2010, được bố mẹ chị D cho đất nên anh và chị D xây dựng nhà và ra ở riêng từ năm 2011. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên năm 2011, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh do anh D đi làm ăn xa, đỉnh điểm là năm 2017, do anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị D ở nhà không chung thủy. Đến năm 2019, anh D về nước, chị D lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và hiện nay chị D đang ở Đài Loan. Anh D xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh D nhất trí với với yêu cầu của chị D, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Lương Ngọc Q – Sinh ngày 26/11/2010 và Lương Mạnh C – Sinh ngày 11/10/2015. Hiện hai cháu đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống với anh D. Cả hai

cháu đều là học sinh của trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở tại xã T, huyện C. Khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi hai con chung được 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D nhất trí với ý kiến của chị D. Anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 05/12/2022 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án mở phiên tòa trước thời hạn Tòa án đã ấn định để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy Tòa án mở phiên tòa sớm hơn quy định là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh D không còn nên việc chị D và anh D xin được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do nguyên đơn là công dân Việt Nam hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[1.2] Về phiên hòa giải: Các đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và chị D đang ở Đài Loan do đó, căn cứ khoản 4, Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.3] Về thời hạn mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 04/11/2022, thời gian mở phiên tòa vào ngày 05/12/2022 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước thời hạnTòa án đã ấn định. Mặt khác chị D và anh D đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[1.4] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Xét thấy các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và Anh D đều thừa nhận hai vợ chồng anh chị kết hôn năm 2009. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh D và chị D chung sống tại gia đình bố mẹ chị D ở thôn N, xã T1(Nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2011 giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay chị D đang ở Đài Loan nên hai vợ chồng ly thân đã lâu. Cả hai đều xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xửxét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị D.

[2.2]Về con chung: Anh D và chị D đều xác nhận trong quá trình chung sống, anh D và chị D có 02 con chung là Lương Ngọc Q – Sinh ngày 26/11/2010 và Lương Mạnh C – Sinh ngày 11/10/2015.

Xét yêu cầu giao con chung cho anh Lương Văn D chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cháu Q và cháu C hiện đang ở cùng anh D tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Nơi ở của anh D gần với trường học nơi 02 cháu đang học. Anh D làm công nhân tại khu công nghiệp Thanh Bình, có hợp đồng lao động, thu nhập từ 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) đến 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*)/01 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy anh D có nơi ở và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Chị D hiện đang lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Từ khi chị D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì các con chung đều do anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác, cháu Q và cháu C đều đã đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bố, trong đơn khởi kiện chị D cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho anh D được quyền nuôi 02 con chung, chị D cũng nhất trí, không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao 02 con chung cho anh Lương Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con chung. Sau khi ly hôn chị D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này. Trường hợp chị D về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của các con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho anh D việc cấp dưỡng nuôi con là để đảm bảo quyền lợi cho con tuy nhiên anh D vẫn giữ nguyên ý kiến về việc không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết . Do đó, Hội đồng xét xửkhông xem xét giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không

xem xét, giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 469; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Lương Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Ngọc Q – Sinh ngày 26/11/2010 và Lương Mạnh C – Sinh ngày 11/10/2015 cho anh Lương Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lương Văn D không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000040 ngày 04/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Anh Lương Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự năm 2015. Chị Hoàng Thị D ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn (Khi có HLPL);
- UBND xã T (Khi có HLPL);
- Lưu tổ HCTP**,** HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hường